**CHƯƠNG 3. SỰ PHÂN HOÁ LÃNH THỔ**

BÀI 11. VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

*(Thời gian thực hiện dự kiến: 03 tiết)*

I. MỤC TIÊU.

1. Kiến thức.

* Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
* Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm - nông - thuỷ sản, du lịch.
* Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư.
* Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng.
* Vẽ được sơ đồ tư duy thể hiện các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

1. Năng lực.

* Năng lực chung: phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động của các nhóm HS; giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau, phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được sự phát triển của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Năng lực đặc thù:

+ Nhận thức khoa học Địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

+ Tìm hiểu địa lí: khai thác kênh chữ, kênh hình trong SGK và các tài liệu khác có liên quan đến bài học.

2. Phẩm chất.

Có ý thức và hành động trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau giữa các vùng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

* Máy vi tính, máy chiếu hoặc smart tivi, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có),...
* Bản đồ hành chính Việt Nam, bản đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, bản đồ kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Các thiết bị và học liệu khác có liên quan đến nội dung bài học (tranh ảnh, video, bảng số liệu,...).
* SGK Lịch sử và Địa lí 9 (KNTT với CS).

2. Học sinh.

SGK Lịch sử và Địa lí 9 (KNTT với CS).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu.

*a) Mục tiêu*

Gợi mở, tạo hứng thú cho HS trước khi tìm hiểu nội dung bài học.

*b) Tổ chức thực hiện.*

* Bước 1:

+ Phương án 1: GV yêu cầu HS thực hiện tình huống mở đầu như trong SGK.

+ Phương án 2: GV cho HS xem video, tranh ảnh về tự nhiên, dân cư,... vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Nêu những hiểu biết về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

* Bước 2: HS suy nghĩ, trả lời tình huống.
* Bước 3: GV gọi một số HS trả lời.
* Bước 4: GV tóm lược và dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

***2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ***

*a) Mục tiêu.*

Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.

*b) Tổ chức thực hiện.*

* Bước 1: GV yêu cầu cá nhân HS đọc thông tin mục 1, quan sát hình 11.1 và bản đồ hành chính Việt Nam hãy:

*+ Cho biết Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm ở phía nào của đất nước. Vùng có bao nhiêu tỉnh, tiếp giáp với các vùng và các nước nào?*

*+ Trình bày ý nghĩa vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.*

* Bước 2: GV dành một thời gian nhất định để HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi.
* Bước 3: GV gọi một vài HS trả lời, các HS khác nhận xét.
* Bước 4: GV đánh giá và chuẩn hoá kiến thức.
* Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm ở phía Bắc nước ta, bao gồm 14 tỉnh, chia thành 2 khu vực: Đông Bắc (10 tỉnh) và Tây Bắc (4 tỉnh).
* Phía bắc giáp Trung Quốc, phía nam giáp Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ, phía tây giáp Lào.
* Vùng có vị trí thuận lợi trong việc thúc đẩy giao thương quốc tế và kết nối với các vùng khác, có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng an ninh.

***2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.***

*2.2.1. Phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc.*

*a)Mục tiêu.*

Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc.

*b) Tổ chức thực hiện.*

* Bước 1: GV yêu cầu HS (có thể theo cặp hoặc nhóm) tìm hiểu thông tin mục a, quan sát hình 11.1 trong SGK. GV trình chiếu hoặc treo bản đồ Tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, xác định ranh giới của Đông Bắc và Tây Bắc để HS dễ hình dung không gian hai khu vực này.

GV yêu cầu các cặp hoặc nhóm thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc.*

* Bước 2: Các cặp hoặc nhóm chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao.
* Bước 3: Sau khi HS thực hiện xong, GV mời đại diện một số cặp đôi hay nhóm trình bày. Các HS khác nhận xét và bổ sung.

- Bước 4: GV đánh giá và chuẩn hoá kiến thức bằng cách lập bảng để HS dễ so sánh (GV diễn giảng về sự phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc, sử dụng bản đồ để minh hoạ khi chuẩn hoá kiến thức).

| **Thiên nhiên** | **Đông Bắc** | **Tây Bắc** |
| --- | --- | --- |
| Địa hình | Núi trung bình và thấp; trung du có đồi bát úp, có địa hình các-xtơ phổ biến. | Núi cao, địa hình chia cắt và hiểm trở; xen kẽ là các cao nguyên. |
| Khí hậu | Có mùa đông lạnh nhất nước ta. | Có mùa đông lạnh, có sự phân hoá theo độ cao rõ rệt, đầu mùa hạ chịu ảnh hưởng mạnh của gió Tây khô nóng. |
| Thuỷ văn | Sông ngòi dày đặc, có giá trị về giao thông và thuỷ lợi. | Sông ngòi có độ dốc lớn, lưu lượng nước dồi dào, có tiềm năng về thuỷ điện. |
| Khoáng sản | Phong phú chủng loại, bao gồm a-pa-tít, sắt, chì - kẽm, đá vôi, than,... | Ít chủng loại hơn nhưng trữ lượng lớn như: đất hiếm, đồng,... |
| Sinh vật | Phong phú, gồm sinh vật nhiệt đới và cận nhiệt đới. | Sinh vật nhiệt đới, cận nhiệt đới và ôn đới núi cao. |

*2.2.2. Thế mạnh để phát triển kinh tế*

1. *Mục tiêu*

Trình bày được thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp, thuỷ sản, du lịch.

1. *Tổ chức thực hiện*

- Bước 1: GV yêu cầu HS quan sát hình 11.1 và nghiên cứu nội dung mục b, trình bày thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp, thuỷ sản và du lịch của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ theo gợi ý ở phiếu học tập sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tự nhiên** | **Đặc điểm** | **Thế mạnh** |
|  |  |  |

Hình thức tổ chức theo nhóm, các nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ. GV gợi ý các nhóm tư duy địa lí về mối quan hệ nhân quả (điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên như thế này thì có ảnh hưởng (thuận lợi, khó khăn) như thế nào đến phát triển các ngành kinh tế: nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, công nghiệp, du lịch,... (ở đây chủ yếu phân tích thế mạnh).

* Bước 2: HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi, thống nhất kết quả chung của cả nhóm.
* Bước 3: Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung.
* Bước 4: Các nhóm đánh giá chéo nhau, GV chuẩn hoá kiến thức.

| **Tự nhiên** | **Đặc điểm** | **Thế mạnh** |
| --- | --- | --- |
| Địa hình | Địa hình chủ yếu là đồi núi. | Thuận lợi cho phát triển lâm nghiệp. |
| Địa hình cao nguyên xen các đồi núi thấp với đất feralit. | Thuận lợi phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi đại gia súc. |
| Nhiều hang động các-xtơ. | Thuận lợi cho phát triển du lịch. |
| Khí hậu | Có mùa đông lạnh, phân hoá theo độ cao. | * Phát triển cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới. * Phát triển du lịch. |
| Nguồn nước | Sông ngòi dày đặc trên địa hình chia cắt. | Trữ năng thuỷ điện lớn có thể phát triển thuỷ điện. |
| Nhiều hồ tự nhiên và nhân tạo. | Phát triển nuôi trồng, đánh bắt thuỷ sản; phát triển du lịch. |
| Nước khoáng phong phú. | Phát triển du lịch. |
| Khoáng sản | Đa dạng, một số loại có trữ lượng đáng kể. | Cơ sở để phát triển công nghiệp khai khoáng, chế biến khoáng sản và nhiều ngành công nghiệp khác. |
| Sinh vật | Tài nguyên rừng rồi dào; nhiều vườn quốc gia, khu bảo tồn. | Phát triển lâm nghiệp, công nghiệp khai thác và chế biến gỗ; phát triển du lịch. |

***2.3. Nội dung 3: Tìm hiểu về dân cư, xã hội***

*2.3.1. Thành phân dân tộc*

*a) Mục tiêu*

Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc của vùng.

*b) Tổ chức thực hiện*

* Bước 1: GV yêu cầu HS đọc nội dung mục a trong SGK và nêu đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ theo gợi ý về:

*+ Số lượng dân tộc khoảng bao nhiêu?*

*+ Địa bàn cư trú như thế nào?*

*+ Kinh nghiệm sản xuất ra sao?*

* Bước 2: Cá nhân HS nghiên cứu và trả lời câu hỏi.
* Bước 3: GV mời HS trình bày kết quả; nhận xét, bổ sung.
* Bước 4: GV đánh giá và chuẩn hoá kiến thức.
* Thành phần dân tộc đa dạng (như Kinh, Thái, Mường, Dao, HMông, Tày, Nùng,...). Dân tộc thiểu số chiếm hơn 50% tổng số dân toàn vùng.
* Địa bàn cư trú của các dân tộc đã có sự thay đổi và đan xen.

+ Khu vực Tây Bắc có nhiều người Thái, Mường, HMông,...

+ Khu vực Đông Bắc có nhiều người Tày, Nùng,...

* Người dân có nhiều kinh nghiệm canh tác trên đất dốc, kết hợp sản xuất nông lâm nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, trồng cây dược liệu và rau quả ôn đới.

*2.3.2. Phân bố dân cư*

1. *Mục tiêu*

Nhận xét được đặc điểm nổi bật về phân bố dân cư của vùng.

1. *Tổ chức thực hiện*

* Bước 1: GV yêu cầu HS đọc nội dung mục b trong SGK, bản đồ dân số Việt Nam năm 2021 (trang 120 SGK), nhận xét đặc điểm phân bố dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ thông qua các gợi ý:

*+ Mật độ dân số của vùng so với cả nước.*

*+ Sự phân bố dân cư giữa Đông Bắc với Tây Bắc.*

*+ Sự phân bố giữa trung du với miền núi.*

*+ Sự phân bố dân cư giữa nông thôn và thành thị.*

* Bước 2: Các cặp đôi trao đổi, thực hiện nhiệm vụ.
* Bước 3: GV mời HS trình bày kết quả; nhận xét, bổ sung.
* Bước 4: GV đánh giá và cuẩn hoá kiến thức.
* Mật độ dân số toàn vùng thấp hơn so với trung bình cả nước.
* Phân bố dân cư có sự khác nhau:

+ Đông Bắc dân cư đông đúc hơn Tây Bắc.

+ Các tỉnh khu vực trung du đông đúc hơn các tỉnh khu vực miền núi.

+ Dân cư sinh sống chủ yếu ở nông thôn.

*2.3.3. Chất lượng cuộc sống*

1. *Mục tiêu*

Nhận xét được đặc điểm nổi bật chất lượng cuộc sống dân cư.

1. *Tổ chức thực hiện*

* Bước 1: GV yêu cầu HS đọc nội dung c trong SGK và nêu nhận xét về chất lượng cuộc sống của người dân vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Yêu cầu HS khai thác kiến thức từ bảng số liệu để thấy được sự thay đổi về chất lượng cuộc sống của người dân vùng này.
* Bước 2: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ được giao.
* Bước 3: GV mời HS trình bày kết quả, góp ý và bổ sung.
* Bước 4: GV đánh giá và chuẩn hoá kiến thức.
* Đời sống của người dân vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ được cải thiện, trình độ dân trí được nâng lên.
* Nguyên nhân là do thành tựu của công cuộc Đổi mới và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

***2.4. Nội dung 4: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố kinh tế.***

Trước khi tìm hiểu sự phát triển và phân bố từng ngành, GV cho HS biết khái quát về kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

*2.4.1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản.*

*a) Mục tiêu*

Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản.

*b) Tổ chức thực hiện*

*-* Bước 1: GV yêu cầu cá nhân HS đọc thông tin trong SGK và những hiểu biết của mình, trao đổi cùng nhóm, hoàn thành phiếu học tập sau vào vở.

| **Nông nghiệp** | **Sự phát triển và phân bố** |
| --- | --- |
| + Trồng trọt (lúa, ngô, cây công nghiệp, cây ăn quả,...) |  |
| + Chăn nuôi (trâu, bò, lợn,...) |  |
| **- Lâm nghiệp** |  |
| + Khai thác, chế biến lâm sản |  |
| + Trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng |  |
| **- Thuỷ sản** |  |

* Bước 2: Các nhóm cùng trao đổi để hoàn thành phiếu học tập.
* Bước 3: Đại diện nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét và bổ sung.
* Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.

| **Nông nghiệp** | **Sự phát triển và phân bố** |
| --- | --- |
| + Trồng trọt (lúa, ngô, cây công nghiệp, cây ăn quả,...) | Trồng trọt là thế mạnh nông nghiệp với các nhóm cây lương thực (ngô, lúa), cây công nghiệp (chè, hồi, quế), cây ăn quả (vải, na, cam, xoài, mận,...).   * Các cây lương thực chính của vùng là lúa và ngô. Lúa được trồng nhiều ở các cánh đồng thung lũng như: Mường Thanh (Điện Biên), Mường Lò (Yên Bái),... nhiều vùng đất dốc được cải tạo thành ruộng bậc thang để trồng lúa. Ngô có diện tích lớn nhất cả nước, được trồng nhiều ở Sơn La, Hà Giang, Cao Bằng,... * Các cây công nghiệp thế mạnh là chè có diện tích lớn nhất cả nước, được trồng nhiều ở Thái Nguyên, Phú Thọ, Tuyên Quang,...; hồi ở Lạng Sơn, quế ở Yên Bái,... * Vùng có diện tích cây ăn quả đứng thứ hai cả nước, sau Đồng bằng sông Cửu Long, được trồng nhiều ở Bắc Giang (vải), Sơn La (nhãn, xoài, mận,...), Hoà Bình (cam, bưởi,...), Lạng Sơn (na, mận, hồng,...). |
| + Chăn nuôi (trâu, bò, lợn,...) | Chăn nuôi đang phát triển theo hình thức trang trại, ứng dụng công nghệ cao. Các vật nuôi chính là bò, trâu, lợn; chăn nuôi bò sữa phát triển mạnh, nhất là ở Sơn La. |
| **- Lâm nghiệp** |  |
| + Khai thác, chế biến lâm sản | Sản lượng gỗ khai thác ngày càng tăng; các lâm sản khác như măng, mộc nhĩ, dược liệu,... cũng được khai thác nhiều; các cơ sở chế biến ngày càng hiện đại. |
| + Trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng | Thực hiện chính sách giao đất, giao rừng; chú trọng khoanh nuôi bảo vệ rừng. |
| **- Thuỷ sản** | Khai thác và nuôi trồng trên sông, hồ được phát triển. Nhiều loài cá có giá trị kinh tế cao được đưa vào nuôi trồng như cá tầm, cá lăng, cá hồi,... |

*2.4.2. Công nghiệp.*

*a) Mục tiêu.*

Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp.

*b) Tổ chức thực hiện.*

* Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi: 2 HS ngồi cạnh nhau tạo thành 1 cặp. GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã có và nội dung và hình 11.2 trong SGK, hãy:

*+ Cho biết các ngành công nghiệp thế mạnh của Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

*+ Trình bày sự phát triển và phân bố các ngành đó (Đối với lớp HS khá giỏi GV có thể đặt câu hỏi tại sao có Trung du và miền núi Bắc Bộ lại có điều kiện phát triển những ngành đó?).*

*+ Cho biết các trung tâm công nghiệp của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

* Bước 2: HS trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.
* Bước 3: Đại diện một số cặp trả lời, nhận xét, bổ sung.
* Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức, sử dụng bản đồ để HS thấy được sự phân bố các ngành công nghiệp ở các trung tâm.
* Công nghiệp khai khoáng có ở hầu hết các tỉnh, các sản phẩm chủ yếu là quặng sắt (Yên Bái, Hà Giang,...), a-pa-tít (Lào Cai), đá vôi (Lạng Sơn, Hà Giang,...), nước khoáng (Hoà Bình, Tuyên Quang,...), than (Thái Nguyên, Lạng Sơn),...
* Sản xuất điện là ngành công nghiệp đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Trong vùng phát triển cả thuỷ điện và nhiệt điện.

+ Các nhà máy thuỷ điện lớn như Hoà Bình (1 920 MW), Sơn La (2 400 MW), Lai Châu (1 200 MW), Tuyên Quang (342 MW),....

+ Một số nhà máy nhiệt điện trong vùng là An Khánh (Thái Nguyên), Sơn Động (Bắc Giang), Na Dương (Lạng Sơn),...

* Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm phát triển, gồm chế biến sữa, chế biến hoa quả, chế biến chè,... dựa trên nguồn nguyên liệu dồi dào trong vùng. Phát triển mạnh ở Phú Thọ, Sơn La, Thái Nguyên,...
* Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, dệt và sản xuất trang phục,... phát triển nhanh tại các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ,... nhờ thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài.
* Các trung tâm công nghiệp là Bắc Giang, Thái Nguyên, Việt Trì, Hoà Bình.

*2.4.3. Dịch vụ.*

1. *Mục tiêu.*

Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.

1. *Tổ chức thực hiện.*

* Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân. GV yêu cầu HS dựa vào thông tin mục c và hình 11.2, hãy:

*+ Trình bày sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. + Kể tên một số điểm du lịch nổi tiếng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

* Bước 2: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ được giao.
* Bước 3: GV gọi một vài HS báo cáo, các HS khác nhận xét và bổ sung.
* Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức. GV đề dẫn một số ngành dịch vụ thế mạnh của vùng, sau đó hỏi đáp, diễn giảng về từng ngành dịch vụ thế mạnh đó. Kết hợp bản đồ để chỉ các tuyến đường giao thông, khu kinh tế cửa khẩu, các điểm du lịch nổi tiếng.
* Giao thông vận tải:

+ Vùng có vị trí thuận lợi kết nối với vùng Đồng bằng sông Hồng, với nước láng giềng Trung Quốc.

+ Đường quốc lộ, cao tốc được nâng cấp và xây dựng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế như cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, cao tốc Hà Nội - Lào Cai, quốc lộ 6,...

* Thương mại:

+ Hoạt động nội thương ngày càng phát triển và đa dạng với nhiều hình thức.

+ Hoạt động ngoại thương chú trọng khai thác thế mạnh kinh tế cửa khẩu, với các khu kinh tế cửa khẩu: Đồng Đăng - Lạng Sơn (Lạng Sơn), Thanh Thuỷ (Hà Giang), Lào Cai (Lào Cai), Tây Trang (Điện Biên),..., Đẩy mạnh giao thương với các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây (Trung Quốc) và các tỉnh khu vực Thượng Lào.

- Du lịch là thế mạnh kinh tế của vùng, với nhiều loại hình và điểm du lịch nổi tiếng.

+ Du lịch sinh thái phát triển ở các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, các danh lam thắng cảnh như hồ Ba Bể, hồ Núi Cốc, hồ Thác Bà, thác Bản Giốc, Sa Pa,...

+ Du lịch văn hoá gắn với các điểm di tích như hang Pác Bó (Cao Bằng), cây đa Tân Trào và An toàn khu (Tuyên Quang), Đền Hùng (Phú Thọ), di tích Điện Biên Phủ (Điện Biên),...

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập.

*a) Mục tiêu.*

* Hệ thống hoá kiến thức bài học.
* Rèn luyện kĩ năng vẽ sơ đồ tư duy.

*b) Tổ chức thực hiện*

* Bước 1: GV cho HS làm việc cá nhân: Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Bước 2: HS dựa vào các thế mạnh về tự nhiên đã học, vẽ sơ đồ tư duy (mỗi HS sẽ có cách vẽ, suy luận khác nhau).
* Bước 3: GV gọi một vài HS báo cáo.
* Bước 4: GV nhận xét, đánh giá việc tiếp thu bài học của HS.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng.

*a) Mục tiêu.*

Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tế liên quan.

*b) Tổ chức thực hiện.*

* Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà. Những nguồn thông tin để HS tham khảo từ internet: thác Bản Giốc, hang Pác Bó, lễ hội Đền Hùng,...
* Bước 2: HS thu thập thông tin, tự thực hiện.
* Bước 3: HS nộp bài trên nhóm zalo hoặc Google Drive.
* Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG.

**Câu 1. Trung du và miền núi Bắc Bộ không tiếp giáp với**

A. Trung Quốc và Lào.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Bắc Trung Bộ.

D. vịnh Bắc Bộ.

**Câu 2. Khu vực Đông Bắc có đặc điểm khí hậu nổi bật nào sau đây?**

A. Có mùa đông lạnh nhất nước ta.

B. Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

C. Có sự phân hoá theo độ cao.

D. Mùa hạ chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng.

**Câu 3. Khu vực Tây Bắc có đặc điểm địa hình nổi bật nào sau đây?**

A. Địa hình chủ yếu là đồi núi.

B. Có nhiều dãy núi hình cánh cung.

C. Địa hình cao nhất nước ta.

D. Có nhiều địa hình đồi bát úp.

**Câu 4. Hoạt động kinh tế nào sau đây không phải là thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?**

A. Lâm nghiệp. B. Kinh tế biển.

C. Du lịch. D. Thuỷ điện.

**Câu 5. Vẽ sơ đồ liệt kê các ngành kinh tế thế mạnh của Trung du và miền núi Bắc Bộ.**

**Câu 6. Vì sao thuỷ điện là ngành kinh tế thế mạnh của Trung du và miền núi Bắc Bộ?**

\*\*\*